

**TỜ HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG**



Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc



Trinolon ointment

Triamcinolon acetonid 0,1 %

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần:

Mỗi tuýp thuốc mỡ chứa:

Thành phần hoạt chất :

Triamcinolon acetonid 0,1 %

Thành phần tá dược:

Lanolin, parafin lỏng, vaselin, tinh dầu bạc hà, sáp ong trắng.

Dạng bào chế: Thuốc mỡ

Mô tả: Thuốc mỡ màu hơi vàng đến nâu nhạt, đồng nhất có thể dàn mỏng lên da

Chỉ định

- Eczema/nhóm viêm da (bao gồm bệnh dày sừng lòng bàn tay tiến triển, nám da mặt, bệnh lichen, viêm da do bức xạ, viêm da do nắng)
- Ngứa ngoài da
- Ngứa: bao gồm cả nổi mề đay giống lichen, ngứa sần, nổi mề đay thông thường.
- Côn trùng cắn
- Bệnh vẩy nến
- Mụn mủ lòng bàn tay
- Ban đỏ (hồng ban đa dạng, hồng ban nốt, ban đỏ hình khuyên hướng tâm Darier's)
- Ban đỏ toàn thân (bao gồm cả ban đỏ toàn thân do u lympho ác tính)
- Hội chứng da niêm mạc (bao gồm cả bệnh Behcet)
- Phát ban do thuốc, ngộ độc
- Rụng tóc từng vùng (bao gồm cả bệnh ác tính)
- Bỏng (bao gồm cả sẹo và sẹo lồi)
- Bệnh cước
- Bệnh Pemphigus (bọng nước tự miễn dịch hiếm gặp của da và/hay các niêm mạc)
- Viêm da mụn rộp (bao gồm cả Pemphigus)
- Bệnh lichen phẳng
- Ban đỏ ở lỗ chân lông

Liều dùng và cách dùng

- Bôi một lượng nhỏ lên vùng da bị tổn thương từ 2-3 lần/ ngày, liều có thể tăng hoặc giảm tùy theo triệu chứng của bệnh nhân.

Chống chỉ định

- Quá mẫn với triamcinolon acetonid hoặc bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Bệnh lao da, nhiễm *Herpes simplex*, thủy đậu, zona, đậu mùa (có thể làm các triệu chứng trầm trọng hơn).
- Eczema viêm tai ngoài có thủng màng nhĩ (có thể làm giảm khả năng chữa lành vết thương, ngoài ra có thể xảy ra nhiễm trùng).
- Loét (không bao gồm bệnh Behcet), bỏng/bỏng lạnh từ cấp độ hai trở lên (có thể ức chế hình thành biểu mô, ngoài ra có thể xảy ra nhiễm trùng).

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Về nguyên tắc không sử dụng triamcinolon acetonid để điều trị bệnh eczema/viêm da kèm theo nhiễm trùng da. Nếu cần phải sử dụng, nên điều trị trước bằng các thuốc kháng sinh (dùng đường toàn thân) và thuốc kháng nấm thích hợp hoặc sử dụng phối hợp các nhóm thuốc này.
- Các triệu chứng tương tự như khi dùng adrenocorticosteroid đường toàn thân có thể xuất hiện nếu sử dụng với liều lớn hoặc sử dụng kéo dài trên vùng da rộng.
- Ngừng sử dụng thuốc nếu các triệu chứng không được cải thiện hoặc trầm trọng hơn.
- Sau khi các triệu chứng được cải thiện, ngừng thuốc càng sớm càng tốt.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

- Tránh sử dụng thuốc trên vùng da rộng hoặc kéo dài cho phụ nữ có thai hoặc dự định có thai. Chỉ sử dụng thuốc nếu lợi ích vượt trội so với rủi ro có thể xảy ra với thai nhi. (Trong một thí nghiệm sử dụng triamcinolon acetonid đường tiêm bắp trong quá trình hình thành cơ quan ở chuột mang thai, hồ hàm ếch đã được quan sát thấy ở thai nhi).
- Chưa có bằng chứng về việc thuốc có thể bài tiết qua sữa mẹ hay không, vì vậy cần thận trọng khi sử dụng thuốc trên phụ nữ cho con bú.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Thuốc mỡ **Trinolon ointment** được sử dụng bôi ngoài da nên không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Trong những trường hợp sử dụng thuốc kéo dài hoặc trên vùng da rộng, các tương tác thuốc được biết đến với glucocorticoid nên được tính đến do khả năng hấp thu của hoạt chất.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Hệ cơ quan	Tần suất	Tác dụng không mong muốn
------------	----------	--------------------------



Nhiễm trùng da ⁽¹⁾	Không xác định	Nhiễm nấm (nấm candida, nấm da,...), nhiễm khuẩn (bệnh chốc lở truyền nhiễm, viêm nang lông,...)
Các triệu chứng da khác ⁽²⁾	Không xác định	Mụn trứng cá steroid (tương tự mụn trứng cá, nhưng có nhiều mụn trắng hơn), chứng hồng ban do steroid hoặc viêm da quanh miệng (ban đỏ quanh miệng hoặc toàn bộ khuôn mặt, sần, giãn mao mạch, vảy cứng trên da), tổn thương da do steroid (teo da, giãn mao mạch), bệnh vảy cá, ban xuất huyết, chứng rậm lông ở nữ giới, mất sắc tố da.
Quá mẫn	Không xác định	Kích ứng, phát ban
Tuyến yên và vỏ thượng thận ⁽³⁾	Không xác định	Ức chế chức năng tuyến yên và vỏ thượng thận

Lưu ý:

- (1) Trong trường hợp sử dụng thuốc kéo dài trên vùng da rộng, có thể dẫn đến nhiễm trùng da. Nên sử dụng kết hợp với các chất kháng nấm và kháng khuẩn thích hợp. Nếu các triệu chứng không được cải thiện kịp thời, hãy ngừng sử dụng thuốc **Trinolon ointment**.
- (2) Các triệu chứng da khác có thể xuất hiện do sử dụng thuốc liên tục trong thời gian dài. Nên giảm liều dần dần và chuyển sang các loại thuốc không chứa corticosteroid.
- (3) Cần thận trọng khi sử dụng với liều lớn hoặc sử dụng kéo dài trên vùng da rộng.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng

Nhiễm độc được dự kiến không xảy ra khi sử dụng với liều lượng khuyến cáo. Trong trường hợp sử dụng lâu dài và/hoặc trên vùng da rộng Đặc biệt là khi băng kín, hoạt chất có thể được hấp thu toàn thân ở mức độ cao và gây ra có tác dụng không mong muốn của glucocorticoid toàn thân.

Xử trí

Nếu có sự xuất hiện và gia tăng của các tác dụng không mong muốn toàn thân, việc ngừng sử dụng thuốc có thể làm giảm các triệu chứng nhiễm độc. Bệnh nhân nên được điều trị triệu chứng nếu cần thiết.

Đặc tính dược lực học

Mã ATC: D07AB09

Nhóm tác dụng dược lý: Thuốc glucocorticoid dùng ngoài da tác dụng vừa phải

(1) Cơ chế hoạt động



Nó là một dẫn xuất triamcinolone kéo dài với tác dụng chủ yếu là glucocorticoid. Nó có tác dụng chuyển hóa carbohydrate mạnh, chống viêm và chống dị ứng, nhưng chuyển hóa khoáng chất yếu

(2) Tác dụng co mạch

Trên da người khỏe mạnh, triamcinolon acetonid cho thấy tác dụng co mạch gấp 100 lần so với hydrocortison acetat.

(3) Tác dụng ức chế sự tăng trưởng của nguyên bào sợi

Trong các thí nghiệm trên chuột, triamcinolon acetonid được chứng minh có tác dụng ức chế sự tăng trưởng của nguyên bào sợi mạnh hơn khoảng 150 lần so với hydrocortison.

(4) Ảnh hưởng đến nồng độ OHCS trong huyết thanh và nước tiểu

Đã có báo cáo cho rằng thuốc mỡ chứa triamcinolon acetonid 0,1% sử dụng cho 3 bệnh nhân bị bệnh vẩy nến với liều 20 g/ngày trong 7 ngày có tác dụng nhẹ đối với huyết thanh 11-OHCS và 17-OHCS trong nước tiểu.

Đặc tính dược động học

Hấp thu

(1) Khi thuốc mỡ chứa ^{14}C -triamcinolon acetonid 0,1% được bôi lên da người khỏe mạnh, tốc độ bài tiết qua nước tiểu trong 13 giờ là 0,6 đến 2,3% lượng thuốc sử dụng.

Ngoài ra, khi dùng thuốc ở vùng da đã được tẩy da chết, quan sát thấy khoảng 40% vẫn còn ở vị trí dùng thuốc ngay cả sau 24 giờ.

Phân bố

(2) Một loại thuốc mỡ chứa ^{14}C -triamcinolon acetonid 0,1% được phủ kín lên vùng da nách ở người khỏe mạnh trong vòng 24 giờ, khi quan sát bằng Chụp X-quang tự động, sự tích lũy được tìm thấy trong vỏ nang và tuyến tiết apocrine ngay cả sau 7 ngày.

Thải trừ

Khi bôi kem ^{14}C -triamcinolone acetonide 0,1% lên da người khỏe mạnh, tỷ lệ bài tiết qua nước tiểu trong 13 giờ là 0,6-2,3% lượng bôi.

Quy cách đóng gói:

Hộp 1 tuýp 5 g, tuýp 10 g

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất

Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS

Nhà sản xuất



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

